

Bản án số: 164/2024/HC-PT

Ngày: 02-5-2024

V/v “*Kiến quyết định hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Cường

Bà Võ Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 403/2023/TLPT-HC ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc “*Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2023/HC-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 615/2024/QĐPT-HC ngày 2 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1966; địa chỉ: khu phố M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, có mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch UBND thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, có Văn bản số 2569/UBND-BTD ngày 25/4/2024, do Chủ tịch Nguyễn Lê Vi P, ký đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Đỗ Thị Thu V (Trưởng phòng) và ông Huỳnh Tấn P1 (Phó trưởng phòng) Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; vắng có văn bản nêu trên.

2. Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (Nay là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã Đ); vắng.
3. Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ, tỉnh Phú Yên;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Tấn P1 - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, có mặt.
4. Phòng quản lý đô thị thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.
5. Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, có văn bản số 95/UBND ngày 15/4/2024 do Chủ tịch UBND Nguyễn Đức H ký, xin vắng mặt.
6. Bà Bùi Tuyết N, sinh năm 1967; địa chỉ: khu phố M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, vắng mặt
7. Ông Lê Anh Đ1, sinh năm 1995 và bà Trương Thị Bích D, sinh năm 1995; địa chỉ: khu phố M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện ông Lê Văn Đ trình bày:

Năm 1985, ông Lê Văn Đ đi bộ đội ở Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa nên vợ ông là bà Bùi Tuyết N có xin xã đất cất nhà. Năm 1986, UBND xã H Bắc cấp đất cho ông Lê Văn Đ diện tích 600m² nhưng ông không có giấy tờ gì để chứng minh việc cấp đất này.

Năm 2006, ông Đ làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại UBND xã (nay là phường) Hòa Hiệp Bắc nhưng không được nên ông không làm thủ tục này nữa.

Năm 2017, UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) thực hiện dự án Tuyến nối Quốc lộ A (Đ) đến Khu công nghiệp H - giai đoạn 1 (đợt 10) tại thôn P, xã H nên có thu hồi đất của gia đình ông diện tích bao nhiêu ông không biết. Sau đó, UBND huyện Đ bồi thường cho gia đình ông tổng số tiền 955.468.638 đồng và cấp 01 lô đất tái định cư diện tích 200m² tại Khu tái định cư thuộc Khu phố M, phường H. Ông Đ đã nhận đủ số tiền bồi thường và đất tái định cư, ông Đ không ý kiến gì về việc này.

Khi Nhà nước thu hồi đất của gia đình ông, phần còn lại theo UBND thị xã Đ cho rằng là 22,6m². Nhưng phần đất còn lại sau khi thu hồi của ông phải nhiều hơn 22.6m², vì tính từ Cột mốc lộ giới vào 05m (phía trong) là đất của ông đến giáp hộ ông Đinh Văn H1, ông Dương Bình L.

Sau khi Nhà nước thu hồi đất, phần diện tích đất còn lại Nhà nước không thu hồi là đất của ông nên ông xây dựng 01 nhà có diện tích 51m², khởi công xây dựng từ tháng 9/2019, hoàn công tháng 5/2020.

Khi xây dựng nhà, gia đình ông Đ không có xin giấy phép xây dựng và cũng không bị cơ quan nào lập biên bản hay xử phạt gì. Đến ngày 30/3/2020 thì UBND phường H đến lập biên bản vi phạm về việc gia đình ông xây dựng nhà không xin phép xây dựng nhưng lúc đó nhà đã xây xong.

Năm 2022, UBND thị xã Đ tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với ông nhưng sau đó UBND thị xã Đ thu hồi các quyết định nên ông Đ rút đơn khởi kiện.

Việc ông xây dựng nhà là trái phép nhưng cũng có các hộ dân lân cận như bà Lê Thị Hoa S, ông Nguyễn K, ông Cao Tấn T cùng trục đường Quốc lộ 29 Nhà nước đã thu hồi và bồi thường nhưng vẫn còn tồn tại làm ăn kinh doanh, không bị UBND thị xã Đ xử lý vi phạm.

Cùng trục đường này, có đoạn nhà cách hành lang 03m, có đoạn nhà cách 05m; nhà ông Đ là cách hành lang 4,2m (ông lấn hành lang đường bộ 0,8m). Nhưng UBND thị xã Đ chỉ xử lý hộ ông Đ là không công bằng.

Chủ tịch UBND thị xã Đ ban hành Quyết định số 276/QĐ-KPHQ ngày 10/01/2023 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 1471/QĐ-CCXP ngày 16/3/2023 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả yêu cầu ông phải tháo dỡ nhà và trả lại hiện trạng trước khi xây nhà, ông Đ không đồng ý và khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Ông Lê Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết :

- Hủy Quyết định số 276/QĐ-KPHQ ngày 10/01/2023 của Chủ tịch UBND thị xã Đ về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Quyết định số 1471/QĐ-CCXP ngày 16/3/2023 của Chủ tịch UBND thị xã Đ về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Tại phiên toà sơ thẩm, người khởi kiện đề nghị Toà án xem xét giải quyết đối với Q định số 1364/QĐ-ĐC ngày 03/03/2023 của Chủ tịch UBND thị xã Đ về việc đình chính trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 1592/QĐ-ĐC ngày 24/3/2023 của Chủ tịch UBND thị xã Đ về đình chính quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Người bị kiện, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND thị xã Đ trình bày (Văn bản số 3400/UBND-QLĐT ngày 23/6/2023- BL 282):

- Về nguồn gốc sử dụng đất:

Thực hiện Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 26/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh P về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Tuyến nối Quốc lộ A (Đ) đến Khu công nghiệp H - Giai đoạn 1.

Năm 2017, UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) ban hành Quyết định số 5715/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng của hộ ông Lê Văn Đ. Diện tích thu hồi 503,8 m² (Trong đó: 190 m² đất ONT và 313,8 m² đất HNK) thuộc thửa đất 291, tờ bản đồ số 378-C, tại xã H, huyện Đ. Diện tích đất còn lại sau khi thu hồi là 22,3m², loại đất hàng năm khác (HNK) nằm ngoài dự án.

- Quá trình xây dựng công trình vi phạm:

Cuối tháng 3/2020, UBND xã H đã kiểm tra, phát hiện ông Lê Văn Đ xây dựng công trình trái phép tại Tuyến nối Quốc lộ A đến Khu công nghiệp H thuộc khu phố P, phường H.

Công trình được xây dựng trên một phần diện tích đất đã được Nhà nước thu hồi bồi thường và một phần diện tích đất HNK còn lại chưa thu hồi là 22,3m².

Ngày 30/3/2020, UBND xã H đã lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Lê Văn Đ, sau đó lần lượt ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, ông Lê Văn Đ không chấp hành mà vẫn tiếp tục thi công xây dựng công trình.

Tháng 5 và tháng 7/2020, UBND phường H tiếp tục ban hành Thông báo cho ông Lê Văn Đ chấm dứt hành vi vi phạm, chấp hành Quyết định của Chủ tịch UBND phường đã ban hành; đồng thời mời ông Đ và đại diện nhóm thợ đang thi công xây dựng công trình đến tại UBND phường để giải thích rõ về hành vi vi phạm, vận động chấp hành quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Lê Văn Đ vẫn cố tình xây dựng hoàn thiện nhà kiên cố như hiện nay.

Qua kiểm tra hồ sơ vi phạm hành chính, UBND phường H phát hiện có sai sót về nội dung áp dụng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính làm thay đổi cơ bản nội dung của Quyết định nên ban hành các Quyết định hủy bỏ toàn bộ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định hủy bỏ toàn bộ Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Lê Văn Đ và có báo cáo về lý do hủy bỏ các Quyết định.

Ngày 07/8/2020 UBND phường H lập Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm, trong đó xác định ông Lê Văn Đ thực hiện cùng lúc hai hành vi vi phạm:

- Hành vi 1: Chuyển đất trồng cây hàng năm khác sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép để xây dựng nhà. Vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, thuộc thẩm quyền xử lý của Chủ tịch UBND cấp xã.

- Hành vi 2: Chiếm dụng đất của đường bộ để xây dựng nhà. Vi phạm quy định tại điểm a khoản 9 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, thuộc thẩm quyền xử lý của Chủ tịch UBND cấp huyện.

Ngày 18/8/2020, UBND phường H có Tờ trình chuyển toàn bộ hồ sơ vi phạm hành chính của ông Lê Văn Đ đến Chủ tịch UBND thị xã Đ để xử lý theo thẩm quyền. Sau khi tiếp nhận, Chủ tịch UBND thị xã đã chỉ đạo Phòng Quản lý đô thị chủ trì, phối hợp với Phòng Tư pháp, Phòng T khẩn trương tham mưu xử lý.

Quá trình các cơ quan chuyên môn thị xã tham mưu xử lý:

Để xác định cụ thể diện tích vi phạm, đồng thời xác định cụ thể từng hành vi vi phạm, Phòng Quản lý đô thị thuê đơn vị tư vấn có tính pháp nhân là Công ty

TNHH T1 bằng máy nhằm xác định hành vi vi phạm, diện tích đất xây dựng vi phạm của ông Lê Văn Đ.

Trên cơ sở kết quả đo đạc thực tế, đối chiếu với hồ sơ bồi thường, xác định diện tích xây dựng vi phạm là 53,6m², trong đó: Trong phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án là 38m² và ngoài phạm vi thu hồi là 15,6m², cụ thể các hành vi vi phạm của ông Đ như sau:

- Hành vi 1: Chuyển 15,6m² đất trồng cây hàng năm khác sang đất phi nông nghiệp (xây dựng nhà ở) tại khu vực nông thôn, không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

- Hành vi 2: Lấn, chiếm 23,5m² đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn để xây dựng nhà ở (đất trong phạm vi đã thu hồi, bồi thường để thực hiện dự án Tuyến nối Quốc lộ A (Đ) đến Khu công nghiệp H - Giai đoạn 1, nhưng ngoài chỉ giới đường đỏ).

- Hành vi 3: Chiếm dụng 14,5m² đất của đường bộ để xây dựng nhà ở.

Để đảm bảo chặt chẽ về mặt hồ sơ pháp lý trước khi tổ chức việc cưỡng chế, U đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thị xã phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tiến hành họp rà soát lại toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc xử phạt đối với ông Lê Văn Đ. Trong quá trình rà soát, kiểm tra tính pháp lý hồ sơ, các cơ quan, nhận thấy: Trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính của ông Đ còn nhiều nội dung lập không đúng trình tự thủ tục như: Việc Phó Chủ tịch UBND thị xã ký hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND thị xã là chưa phù hợp, chưa xác định rõ thời điểm xảy ra hành vi vi phạm, không lập Biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi lấn, chiếm đất mà chỉ căn cứ vào biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính để ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, việc giao nhận các quyết định về xử phạt vi phạm hành chính, quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả chưa đúng đối tượng bị xử phạt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, UBND thị xã chưa đủ cơ sở để tổ chức cưỡng chế khắc phục hậu quả theo tiến độ thời gian đã xác định; đồng thời UBND thị xã đã ra Quyết định hủy bỏ quyết định về xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Lê Văn Đ, cụ thể:

- Quyết định về việc hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính: Số 3796/QĐ-HB ngày 16/11/2022; Số 3830/QĐ-HB ngày 23/11/2022 của Chủ tịch UBND thị xã về hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính;

- Quyết định số 3934/QĐ-HB ngày 29/11/2022 của Chủ tịch UBND thị xã về hủy bỏ quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 07/12/2022, UBND thị xã tiến hành lập biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính, xác định ông Đ có 03 hành vi vi phạm, cụ thể:

Hành vi 1: Chuyển 15,6m² đất trồng cây hàng năm khác sang đất phi nông nghiệp (xây dựng nhà ở) tại khu vực nông thôn, không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Vi phạm điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số

91/2019/NĐ- CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Hành vi 2: Lấn, chiếm 23,5m² đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn để xây dựng nhà ở (đất trong phạm vi đã thu hồi, bồi thường để thực hiện dự án Tuyến nối Quốc lộ A (Đ) đến Khu công nghiệp H - giai đoạn 1, nhưng ngoài chỉ giới đường đỏ). Vi phạm điểm a khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Hành vi 3: Chiếm dụng 14,5m² đất của đường bộ để xây dựng nhà ở. Vi phạm điểm a khoản 9 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

Ngày 10/01/2023, Chủ tịch UBND thị xã ban hành Quyết định số 276/QĐ-KPHQ về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Lê Văn Đ; Ngày 16/3/2023, Chủ tịch UBND thị xã ban hành Quyết định số 1471/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Trong đó, biện pháp khắc phục: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã lấn, chiếm; buộc phải phá dỡ công trình xây dựng trái phép và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra; thời gian thực hiện: 15 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này. Tuy nhiên, đến nay ông Lê Văn Đ chưa thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Về yêu cầu của người khởi kiện:

Đối với người khởi kiện ông Lê Văn Đ xây dựng công trình vi phạm trên đất không đúng mục đích sử dụng đất. Ngày 10/01/2023, Chủ tịch UBND thị xã đã ban hành Quyết định số 276/QĐ-KPHQ về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Đến ngày 16/3/2023, Chủ tịch UBND thị xã ban hành Quyết định số 1471/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Đến nay, ông Lê Văn Đ vẫn chưa khắc phục hậu quả.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 11 Biện pháp khắc phục hậu quả Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định: “a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với các trường hợp quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này”.

Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 14 Biện pháp khắc phục hậu quả Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định: “a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với các hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 của Điều này và buộc trả lại đất đã lấn, chiếm; trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này”.

Căn cứ điểm đ khoản 10 Điều 12 Nghị định 100/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định: “đ) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6, điểm b khoản 8, khoản 9 Điều này buộc phải phá dỡ

công trình xây dựng trái phép (không có giấy phép hoặc không đúng với giấy phép) và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra”.

Căn cứ khoản 2 Điều 4 và khoản 2 Điều 6 Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh P về việc ban hành quy định về mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với từng loại vi phạm quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Phú Yên, quy định:

“2. Trường hợp đối tượng vi phạm tự ý chuyển mục đích sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc tự ý chuyển mục đích sử dụng đất từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 trở về sau thì buộc đối tượng vi phạm phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và sử dụng đất đúng mục đích quy định”.

“2. Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 nhưng không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; lấn, chiếm đất chưa sử dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 trở về sau thì buộc đối tượng vi phạm khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm”.

Đề công tác quản lý Nhà nước về trật tự xây dựng đi vào nề nếp, đảm bảo kỷ cương pháp luật. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Đ trình bày: Thống nhất ý kiến của Chủ tịch UBND thị xã Đ.

- UBND phường H, thị xã Đ trình bày: Thống nhất ý kiến của Chủ tịch UBND thị xã Đ.

- Bà Bùi Tuyết N; vợ chồng ông Lê Anh Đ1, bà Trương Thị Bích D trình bày: Thống nhất yêu cầu của người khởi kiện ông Lê Văn Đ, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ.

Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2023/HC-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348; Điều 358; Điều 366 của Luật Tố tụng Hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 38; Điều 54; Điều 58; Điều 65; Điều 66; Điều 87 của Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Đ2 a khoản 4 Điều 11, điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; điểm a khoản 9; điểm đ khoản 10 Điều 12 Nghị định 100/2019/NĐ-CP

ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông **Lê Văn Đ** đối với các yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 276/QĐ-KPHQ ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch **UBND thị xã Đ** về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Quyết định số 1471/QĐ-CCXP ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch **UBND thị xã Đ** về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Quyết định số 1364/QĐ-ĐC ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch **UBND thị xã Đ** về việc đình chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính.

- Hủy Quyết định số 1592/QĐ-ĐC ngày 24/3/2021 của Chủ tịch **UBND thị xã Đ** về việc đình chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính.

Vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2023, Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên nhận đơn kháng cáo đề ngày 18/9/2023 của người khởi kiện Lê Văn Đ kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng khẳng định rằng: Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính trong giai đoạn xét xử phúc thẩm; về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật, kháng cáo của người khởi kiện không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và xem xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện. Người khởi kiện có kháng cáo ông Lê Văn Đ giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Xét nội dung yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2] Về nguồn gốc thửa đất: Mặc dù, tại phiên tòa ông Lê Văn Đ thừa nhận ông sử dụng đất nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên theo biên bản thẩm tra, xác minh nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 04/3/2013 giữa đại diện UBND xã H với vợ

chồng ông Lê Văn Đ (BL-188), có nội dung “Đất ông Lê Văn Đ có nguồn gốc do UBND xã giao đất để xây dựng nhà ở năm 1986 (không có giấy tờ). Thửa đất đã được đăng ký vào Sổ mục kê tại Quyển số 02 trang số 43. Trong đó: 140m² đất thổ cư, 178m² đất vườn và 200m² đất vườn quy hoạch thổ. Hiện trạng thửa đất đã được xây dựng nhà ở từ năm 1991; Thời điểm sử dụng đất từ năm 1986; Mục đích sử dụng đất xây dựng nhà ở nông thôn; Tờ Bản đồ 378-C, thửa số 291, diện tích 518m² (có giới cận: Đông giáp đất ông Lê văn G, Tây giáp đất ông Nguyễn X, Nam giáp đất ông Đinh Văn H1, Dương Bình L1, Bắc giáp đường nhựa ra biển)”.

Năm 2017, UBND huyện Đ thực hiện dự án Tuyến nối Quốc lộ A (Đ) đến Khu công nghiệp H - Giai đoạn 1, tại thôn P, xã H, UBND huyện Đ thu hồi diện tích đất của gia đình ông Lê Văn Đ, tại Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 02/6/2016 do Công ty TNHH T1 đo đạc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (thuộc thửa 291, tờ bản đồ 378-C, Sổ mục kê quyển số 02, trang 43) và tại Biên bản họp xét nguồn gốc đất ngày 23/5/2017 của UBND xã H thể hiện diện tích đất thực tế hộ gia đình ông Lê Văn Đ sử dụng có tổng diện tích là 526,1m². Trong đó: Diện tích trong khu vực thu hồi 503,8m², diện tích ngoài khu vực thu hồi (diện tích còn lại) 22,2m². UBND huyện Đ đã bồi thường cho gia đình ông Lê Văn Đ tổng số tiền 955.468.638 đồng và giao 01 lô đất tái định cư, diện tích 200m² tại Khu tái định cư thuộc Khu phố M, phường H. Gia đình ông Đ đã nhận đủ số tiền bồi thường và đất tái định cư, không khiếu nại về việc thu hồi, bồi thường và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

[3] Về ý kiến ông Lê Văn Đ cho rằng, diện tích đất còn lại của ông như UBND cho rằng còn lại 15,6m² là không đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thị xã Đ khẳng định rằng diện tích 15,6m² là phần diện tích mà ông Đ xây dựng trái phép, còn phần diện tích trồng, chèo phía sau là 6,6m², tổng công là 22,2m². LỜI trình bày của phía UBND là đúng, phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ.

[4] Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện:

Ngày 26/10/2022, Chủ tịch UBND thị xã Đ ban hành Quyết định số 3397/QĐ-UBND về việc giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính cho cấp Phó thực hiện và Quyết định số 3398/QĐ-UBND về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính. Nên ngày 10/01/2023, Phó Chủ tịch UBND thị xã Đ ban hành Quyết định số 276/QĐ-KPHQ buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 1471/QĐ-CCXP ngày 16/3/2023 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 1364/QĐ-ĐC ngày 03/3/2023 về việc đình chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 1592/QĐ-ĐC ngày 24/3/2023 về việc đình chính quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định tại khoản 2 Điều 38 và Điều 54 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Chủ tịch UBND thị xã Đ xác định ông Lê Văn Đ có 03 hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đó là:

- Chuyển 15,6m² đất trồng cây hàng năm khác sang đất phi nông nghiệp (xây dựng nhà ở) tại khu vực nông thôn, không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

- Lấn, chiếm 23,5m² đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn để xây dựng nhà ở (đất trong phạm vi đã thu hồi, bồi thường để thực hiện dự án Tuyến nối Quốc lộ A (Đ) đến Khu công nghiệp H - giai đoạn 1, ngoài chỉ giới đường đỏ);

- Chiếm dụng 14,5m² đất của đường bộ để xây dựng nhà ở.

Như vậy, hành vi vi phạm hành chính nêu trên của ông Lê Văn Đ đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11; điểm a khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và vi phạm quy định tại điểm a khoản 9 Điều 12 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. Do đó, Chủ tịch UBND thị xã Đ đã xử lý vi phạm hành chính đối với ông Lê Văn Đ là có căn cứ. Tuy nhiên, do hết thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) nên Chủ tịch UBND thị xã Đ đã ban hành Quyết định số 267/QĐ-KPHQ ngày 10/01/2023 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Lê Văn Đ là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28; điểm c khoản 1 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Do ông Lê Văn Đ không tự nguyện chấp hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả nên Chủ tịch UBND thị xã Đ ban hành Quyết định cưỡng chế 1471/QĐ-CCXP ngày 16/3/2023, buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 87 của Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

[5] Về trình tự, thủ tục ban hành và nội dung quyết định hành chính bị kiện:

Khi kiểm tra phát hiện ông Lê Văn Đ xây dựng công trình trái phép trên phần diện tích đất đã được Nhà nước thu hồi, bồi thường và trên phần diện tích đất HNK còn lại chưa thu hồi 22,2m² tại Tuyến nối Quốc lộ A đến Khu công nghiệp H thuộc khu phố P, phường H nên UBND xã H đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 06/BB-VPHC ngày 30/3/2020 đối với ông Lê Văn Đ, đồng thời tiến hành xác minh vụ việc.

Ngày 07/4/2020, UBND phường H đã làm việc với đơn vị nhận thầu xây dựng công trình cho ông Lê Văn Đ để giải thích rõ việc xây dựng công trình trên vị trí đất này là hành vi vi phạm, đồng thời vận động chấp hành theo quy định pháp luật.

Ngày 07/5/2020, UBND xã H ban hành Thông báo số 26/TB-UBND về việc yêu cầu ông Lê Văn Đ dừng việc xây dựng công trình trên thửa đất số 291, tờ bản đồ 378C thuộc khu phố P.

Ngày 19/5/2020, UBND xã H Bắc làm việc với 04 hộ dân trong đó có hộ ông Lê Văn Đ (BL-137), tại buổi làm việc này ông Đ có ý kiến: “Tôi biết việc chuyển đổi mục đích là không được nên tôi chỉ xây dựng tạm để buôn bán, không phải xây dựng nhà ở”.

Ngày 06/7/2020, UBND phường H tiếp tục ban hành Thông báo số 41/TB-UBND về việc yêu cầu ông Lê Văn Đ dừng việc xây dựng công trình trên thửa đất số 291, tờ bản đồ 378C thuộc khu phố P.

Ngày 15/7/2020, UBND phường H tiếp tục vận động ông Lê Văn Đ dừng xây dựng nhà, công trình tại Tuyến nối Quốc lộ A đến Khu công nghiệp, tự tháo dỡ công trình nhà (BL 134). Nhưng ông Lê Văn Đ vẫn cố tình xây dựng và hoàn thiện nhà kiên cố, gồm một trệt, một lầu như Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/6/2023 đã mô tả. Tại Biên bản định giá ngày 21/7/2023 Hội đồng định giá kết luận tổng giá trị công trình xây dựng với số tiền 284.934.592 đồng nhưng gia đình ông Đ không đồng ý và cho rằng giá xây dựng 600.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông Lê Văn Đ thừa nhận ông có hành vi lấn chiếm đất hành lang đường bộ xây dựng công trình nhà ở và ông Đ biết rõ diện tích đất còn lại của gia đình ông sau khi thu hồi không chuyển được mục đích sử dụng nhưng ông vẫn cố tình xây dựng và hoàn thiện công trình kiên cố là không chấp hành quy định pháp luật mặc dù đã được UBND phường H vận động nhiều lần.

Từ những phân tích, lập luận và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ là có căn cứ và đúng pháp luật; kháng cáo của người khởi kiện Lê Văn Đ không có cơ sở, không có tài liệu chứng cứ mới làm thay đổi bản chất nội dung vụ án nên không được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không chấp nên ông Lê Văn Đ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn Đ, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348; Điều 358; Điều 366 của Luật Tố tụng Hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 38; Điều 54; Điều 58; Điều 65; Điều 66; Điều 87 của Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Đ2 a khoản 4 Điều 11, điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; điểm a khoản 9; điểm đ khoản 10 Điều 12 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông **Lê Văn Đ** đối với các yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 276/QĐ-KPHQ ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch **UBND thị xã Đ** về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Quyết định số 1471/QĐ-CCXP ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch **UBND thị xã Đ** về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Quyết định số 1364/QĐ-ĐC ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch **UBND thị xã Đ** về việc đình chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính.

- Hủy Quyết định số 1592/QĐ-ĐC ngày 24/3/2021 của Chủ tịch **UBND thị xã Đ** về việc đình chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính.

Vì không có căn cứ pháp luật.

Về án phí hành chính phúc thẩm: ông **Lê Văn Đ** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0003601 ngày 06/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường